

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, phong trào xây dựng địa bàn không ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, phong trào xây dựng địa bàn không ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, phong trào xây dựng địa bàn không ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và hỗ trợ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

c) Cán bộ, chiến sỹ, người lao động thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Ninh; Cán bộ, chiến sỹ chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy Công an cấp xã theo Quyết định phân công của Giám đốc Công an tỉnh.

d) Địa bàn xã, phường đạt không ma túy; Địa bàn xã, phường đã đạt và duy trì không ma túy theo Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm.

Điều 2. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Chi hỗ trợ cho cơ sở cai nghiện ma túy công lập để thực hiện chế độ, chính sách cho 01 lần cai nghiện (thời gian tối đa 6 tháng) đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập đang thường trú tại tỉnh Bắc Ninh, bao gồm các khoản sau:

1. Tiền ăn bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng; Ngày Lễ, Tết dương lịch, mức ăn bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; Ngày Tết Nguyên đán, mức ăn bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; Số ngày Lễ, ngày Tết theo quy định của pháp luật.

2. Tiền chặn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) bằng 0,9 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/lần cai nghiện.

3. Hỗ trợ 100% chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác, thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác, thuốc chữa bệnh thông thường.

4. Chi thực hiện công tác tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật theo các chuyên đề, nội dung chi theo Thông tư số 56/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: 350.000 đồng/người/lần cai nghiện.

5. Chi tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

6. Chi hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: 100.000 đồng/người/lần cai nghiện.

Điều 3. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng; số đối tượng được giao cho 01 người quản lý tại cấp xã theo số thực tế, nhưng tối đa không quá: 03 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 05 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã, phường còn lại.

2. Chi hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ bằng 2,8 lần mức lương cơ sở hiện hành, bao gồm các khoản sau:

a) Chi hỗ trợ cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy ở cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm: Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế, đánh giá mức độ nghiện, thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có); công tác chăm sóc, điều trị người nghiện ma túy trong thời gian cắt cơn, giải độc; công tác giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách: Mức hỗ trợ bằng 2,2 lần mức lương cơ sở hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tổ chức ăn hàng ngày cho người cai nghiện trong thời gian cắt cơn, giải độc nội trú: Mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành (thời gian tối đa 20 ngày).

Điều 4. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cho công tác tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng; số đối tượng được giao cho 01 người quản lý tại cấp xã theo số thực tế, nhưng tối đa không quá: 03 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 05 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã, phường còn lại.

Điều 5. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cho lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh

1. Cán bộ, chiến sỹ, người lao động thuộc Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Ninh, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/tháng.

2. Cán bộ, chiến sỹ chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy Công an cấp xã theo Quyết định phân công của Giám đốc Công an tỉnh, mức hỗ trợ: 4.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 6. Hỗ trợ hàng năm cho phong trào xây dựng địa bàn không ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

1. Địa bàn xã, phường đạt không ma túy theo Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, mức hỗ trợ: 20.000.000 đồng/năm.

2. Địa bàn xã, phường đã đạt và duy trì không ma túy theo Quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm, mức hỗ trợ: 30.000.000 đồng/năm.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại Điều 2, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết này do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

2. Kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này do ngân sách cấp xã bảo đảm, riêng đối với các xã Khu vực I, II, III được phê duyệt theo quyết định của cấp có thẩm quyền do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

3. Hàng năm, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ nội dung, mức chi, chế độ hỗ trợ tại Nghị quyết này và các quy định hiện hành của nhà nước về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán chi gửi Sở Tài chính (đối với nhiệm vụ chi do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo), gửi Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị (đối với nhiệm vụ chi do ngân sách cấp xã đảm bảo) tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Ninh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh: 01 bản giấy, 01 bản điện tử (đăng Công báo);
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Oanh